

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP NĂM 2023 Đợt 1

Khối TC GDNN K58; Khóa học 2021 - 2023

Hình thức đào tạo: Chính quy

Quyết định số 204/QĐ-CĐSL ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La

Cấp bằng: 08/05/2023

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TĐ 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	Lường Văn	Bình	01/08/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001337	14/TC1/2023/001		
2	Lê Thu	Hằng	17/12/2005	Sơn La	Nữ	Kinh	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001338	14/TC1/2023/002		
3	Cà Thị	Huệ	05/04/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001339	14/TC1/2023/003		
4	Khang Mạnh	Hùng	15/01/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001340	14/TC1/2023/004		
5	Lò Quang	Huy	24/02/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001341	14/TC1/2023/005		
6	Khúc Văn	Linh	11/10/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001342	14/TC1/2023/006		
7	Quảng Văn	Nguyên	03/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001343	14/TC1/2023/007		
8	Lò Quý	Phú	18/12/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Trung bình	TC1.001344	14/TC1/2023/008		
9	Lò Văn	Quân	05/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001345	14/TC1/2023/009		
10	Quảng Văn	Quân	03/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001346	14/TC1/2023/010		
11	Mùi Minh	Quang	26/09/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001347	14/TC1/2023/011		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
12	Thào Thị	Si	20/08/2005	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001348	14/TC1/2023/012		
13	Hồ Thị	Súa	20/04/2002	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Kế toán doanh nghiệp	2023	Khá	TC1.001349	14/TC1/2023/013		
14	Vàng A Mạnh	Bang	26/02/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Trung bình	TC1.001350	14/TC1/2023/014		
15	Mùa A	Chá	25/05/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Khá	TC1.001351	14/TC1/2023/015		
16	Cháng A	Chự	15/04/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Khá	TC1.001352	14/TC1/2023/016		
17	Vàng A	Chung	14/04/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Khá	TC1.001353	14/TC1/2023/017		
18	Tòng Văn	Cường	13/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Khá	TC1.001354	14/TC1/2023/018		
19	Lò Thị	Điệp	17/09/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Khá	TC1.001355	14/TC1/2023/019		
20	Tòng Văn	Dương	18/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Khá	TC1.001356	14/TC1/2023/020		
21	Hoàng Khánh	Duy	21/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Khá	TC1.001357	14/TC1/2023/021		
22	Quảng Văn	Hào	04/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Trung bình	TC1.001358	14/TC1/2023/022		
23	Cầm Tuấn	Huy	24/11/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Khá	TC1.001359	14/TC1/2023/023		
24	Lò Quang	Huy	26/04/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Trung bình	TC1.001360	14/TC1/2023/024		
25	Hà Trung	Kiên	28/11/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Khá	TC1.001361	14/TC1/2023/025		
26	Tòng Văn	Nhất	11/12/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Khá	TC1.001362	14/TC1/2023/026		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
27	Lèo Văn	Tâm	05/12/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Khá	TC1.001363	14/TC1/2023/027		
28	Hàng A	Thắng	08/04/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Trung bình	TC1.001364	14/TC1/2023/028		
29	Lò Thanh	Thoát	22/05/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Trung bình	TC1.001365	14/TC1/2023/029		
30	Vàng A	Thông	15/04/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Khá	TC1.001366	14/TC1/2023/030		
31	Lường Văn	Thuận	19/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Khá	TC1.001367	14/TC1/2023/031		
32	Quàng Văn	Trường	21/10/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Khá	TC1.001368	14/TC1/2023/032		
33	Cháng A	Tủa	01/12/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Khá	TC1.001369	14/TC1/2023/033		
34	Tòng Văn	Tuấn	16/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Khuyến nông lâm	2023	Trung bình	TC1.001370	14/TC1/2023/034		
35	Nông Đức	Khải	22/08/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001371	14/TC1/2023/035		
36	Đình Tuấn	Khanh	13/08/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001372	14/TC1/2023/036		
37	Hoàng Văn	Khanh	24/06/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001373	14/TC1/2023/037		
38	Đình Văn	Quý	05/06/2004	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001374	14/TC1/2023/038		
39	Hà Văn	Quyển	24/01/2004	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001375	14/TC1/2023/039		
40	Nông Đức	Thạch	03/03/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001376	14/TC1/2023/040		
41	Vì Duy	Thắng	09/03/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001377	14/TC1/2023/041		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
42	Vì Văn	Thắng	20/10/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001378	14/TC1/2023/042		
43	Hà Văn	Thao	11/05/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001379	14/TC1/2023/043		
44	Hoàng Minh	Thiên	05/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001380	14/TC1/2023/044		
45	Đình Văn	Thiệu	02/10/2003	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001381	14/TC1/2023/045		
46	Hoàng Minh	Thìn	16/04/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001382	14/TC1/2023/046		
47	Hà Quang	Thịnh	11/10/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001383	14/TC1/2023/047		
48	Hoàng Thị	Thoa	22/09/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001384	14/TC1/2023/048		
49	Đình Quang	Thuận	03/11/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001385	14/TC1/2023/049		
50	Lò Duy	Thương	22/05/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001386	14/TC1/2023/050		
51	Vì Thị	Thúy	22/06/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001387	14/TC1/2023/051		
52	Lý Biên	Thùy	12/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001388	14/TC1/2023/052		
53	Đình Văn	Tiến	08/09/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001389	14/TC1/2023/053		
54	Nguyễn Văn	Tiến	14/03/2004	Hà Tây	Nam	Kinh	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001390	14/TC1/2023/054		
55	Phùng Ngọc	Tiến	24/10/2005	Hà Tây	Nam	Kinh	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001391	14/TC1/2023/055		
56	Hoàng Ngọc	Tình	16/01/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001392	14/TC1/2023/056		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
57	Lò Thị	Trang	13/08/2004	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001393	14/TC1/2023/057		
58	Vì Thị	Trang	25/07/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001394	14/TC1/2023/058		
59	Lò Đức	Trọng	20/11/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001395	14/TC1/2023/059		
60	Đình Quang	Trường	06/06/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001396	14/TC1/2023/060		
61	Lường Sơn	Trường	12/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001397	14/TC1/2023/061		
62	Sòi Ngọc	Tú	27/12/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001398	14/TC1/2023/062		
63	Hà Anh	Tuấn	11/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001399	14/TC1/2023/063		
64	Đình Quang	Vinh	09/11/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Khá	TC1.001400	14/TC1/2023/064		
65	Lò Thanh	Vinh	03/11/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Lâm sinh	2023	Trung bình	TC1.001401	14/TC1/2023/065		
66	Giàng A	Chang	15/06/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001402	14/TC1/2023/066		
67	Vì Kim	Chi	17/04/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001403	14/TC1/2023/067		
68	Sầm Văn	Chỉnh	12/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001404	14/TC1/2023/068		
69	Đình Bảo	Cương	25/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001405	14/TC1/2023/069		
70	Đình Văn	Cường	11/02/2004	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001406	14/TC1/2023/070		
71	Sa Văn	Đại	19/11/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001407	14/TC1/2023/071		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
72	Đinh Văn	Duy	06/06/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001408	14/TC1/2023/072		
73	Đinh Thu	Hằng	15/12/2005	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001409	14/TC1/2023/073		
74	Đinh Văn	Hiếu	15/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001410	14/TC1/2023/074		
75	Đinh Tiên	Hoàng	20/09/2004	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001411	14/TC1/2023/075		
76	Lò Văn	Hoàng	01/06/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001412	14/TC1/2023/076		
77	Sa Văn	Hưng	10/01/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Trung bình	TC1.001413	14/TC1/2023/077		
78	Lường Thị Thúy	Hường	30/09/2005	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001414	14/TC1/2023/078		
79	Cầm Nam	Khánh	08/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001415	14/TC1/2023/079		
80	Đinh Văn	Lực	09/11/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001416	14/TC1/2023/080		
81	Sa Thị Quỳnh	Mai	20/05/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001417	14/TC1/2023/081		
82	Lường Văn	Mẫn	26/10/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001418	14/TC1/2023/082		
83	Sòng A	Mang	06/01/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001419	14/TC1/2023/083		
84	Cầm Vĩnh	Nam	04/03/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001420	14/TC1/2023/084		
85	Sa Văn	Nghiêm	18/12/2004	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Trung bình	TC1.001421	14/TC1/2023/085		
86	Lý Việt	Quang	15/02/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001422	14/TC1/2023/086		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
87	Mùi Việt	Quang	09/09/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Pháp luật về quản lý hành chính công	2023	Khá	TC1.001423	14/TC1/2023/087		
88	Tòng Duy	Đặng	16/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Trung bình	TC1.001424	14/TC1/2023/088		
89	Mai Thúc	Định	29/10/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Trung bình	TC1.001425	14/TC1/2023/089		
90	Tòng Văn	Dương	10/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Trung bình	TC1.001426	14/TC1/2023/090		
91	Vì Tùng	Dương	10/05/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Khá	TC1.001427	14/TC1/2023/091		
92	Nguyễn Tất	Hải	17/05/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Khá	TC1.001428	14/TC1/2023/092		
93	Lò Minh	Huân	30/03/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Khá	TC1.001429	14/TC1/2023/093		
94	Tòng Văn	Hùng	23/12/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Trung bình	TC1.001430	14/TC1/2023/094		
95	Tòng Văn	Kiên	15/11/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Trung bình	TC1.001431	14/TC1/2023/095		
96	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	11/06/2005	Sơn La	Nữ	Kinh	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Khá	TC1.001432	14/TC1/2023/096		
97	Giàng A	Mạnh	10/07/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Trung bình	TC1.001433	14/TC1/2023/097		
98	Tòng Xuân	Phú	08/11/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Khá	TC1.001434	14/TC1/2023/098		
99	Lường Văn	Son	06/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Khá	TC1.001435	14/TC1/2023/099		
100	Tòng Thị	Tập	11/10/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Khá	TC1.001436	14/TC1/2023/100		
101	Tòng Văn	Tuân	23/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Khá	TC1.001437	14/TC1/2023/101		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
102	Lò Văn	Tuấn	12/12/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Khá	TC1.001438	14/TC1/2023/102		
103	Tòng Văn	Tượng	05/04/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Khá	TC1.001439	14/TC1/2023/103		
104	Vàng Cu	Tỷ	09/02/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Trung bình	TC1.001440	14/TC1/2023/104		
105	Lò Văn	Việt	01/04/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Trung bình	TC1.001441	14/TC1/2023/105		
106	Vàng A	Dạ	30/04/2002	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Trung bình	TC1.001442	14/TC1/2023/106		
107	Lò Văn	Hanh	20/05/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Trung bình	TC1.001443	14/TC1/2023/107		
108	Sộng Dạ	Ly	26/03/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Khá	TC1.001444	14/TC1/2023/108		
109	Lò Văn	Niệm	06/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Khá	TC1.001445	14/TC1/2023/109		
110	Giàng Thị	Pạ	20/09/2005	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Khá	TC1.001446	14/TC1/2023/110		
111	Lò Văn	Phong	12/10/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Trung bình	TC1.001447	14/TC1/2023/111		
112	Nguyễn Hồng	Quân	22/04/2004	Đắk Lắk	Nam	Kinh	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Trung bình	TC1.001448	14/TC1/2023/112		
113	Lường Văn	Quang	16/11/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Trung bình	TC1.001449	14/TC1/2023/113		
114	Lò Văn	Quỳnh	07/01/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Trung bình	TC1.001450	14/TC1/2023/114		
115	Giàng A	Sái	03/06/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Khá	TC1.001451	14/TC1/2023/115		
116	Lù A	Sang	28/05/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Trung bình	TC1.001452	14/TC1/2023/116		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
117	Cà Văn	Son	10/01/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Khá	TC1.001453	14/TC1/2023/117		
118	Hồ A	Súa	29/09/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Khá	TC1.001454	14/TC1/2023/118		
119	Hồ A	Thay	15/03/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Khá	TC1.001455	14/TC1/2023/119		
120	Lường Văn	Tư	30/10/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý đất đai	2023	Trung bình	TC1.001456	14/TC1/2023/120		
121	Thào A	Bánh	07/04/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Khá	TC1.001457	14/TC1/2023/121		
122	Lò Thị	Biên	04/11/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Khá	TC1.001458	14/TC1/2023/122		
123	Sông A	Dệnh	21/07/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Khá	TC1.001459	14/TC1/2023/123		
124	Sông A	Dơ	15/04/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Khá	TC1.001460	14/TC1/2023/124		
125	Giàng A	Hạnh	27/08/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Khá	TC1.001461	14/TC1/2023/125		
126	Lường Văn	Hiều	13/01/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Trung bình	TC1.001462	14/TC1/2023/126		
127	Vàng Quốc	Khánh	15/05/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Trung bình	TC1.001463	14/TC1/2023/127		
128	Sông A	Khua	01/12/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Khá	TC1.001464	14/TC1/2023/128		
129	Vàng A	Lương	26/11/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Trung bình	TC1.001465	14/TC1/2023/129		
130	Hồ A	Mạnh	11/06/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Khá	TC1.001466	14/TC1/2023/130		
131	Lò Thị	Nguyên	28/06/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Khá	TC1.001467	14/TC1/2023/131		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
132	Thào A	Phồng	16/12/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Khá	TC1.001468	14/TC1/2023/132		
133	Hồ A	Súa	04/08/2003	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Khá	TC1.001469	14/TC1/2023/133		
134	Quảng Thị	Sung	14/04/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Khá	TC1.001470	14/TC1/2023/134		
135	Sộng A	Tỉnh	02/02/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Khá	TC1.001471	14/TC1/2023/135		
136	Lò Thị	Thành	01/04/2005	Sơn La	Nữ	Khơ mú	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Khá	TC1.001472	14/TC1/2023/136		
137	Mòng Thị	Thảo	05/06/2005	Sơn La	Nữ	Khơ mú	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Khá	TC1.001473	14/TC1/2023/137		
138	Lò Văn	Thương	01/12/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Trung bình	TC1.001474	14/TC1/2023/138		
139	Giàng A	Tổng	04/04/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Khá	TC1.001475	14/TC1/2023/139		
140	Vàng A	Trò	23/08/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng	2023	Trung bình	TC1.001476	14/TC1/2023/140		
141	Lò Tuấn	Anh	03/10/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001477	14/TC1/2023/141		
142	Lường Thế	Anh	01/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001478	14/TC1/2023/142		
143	Nguyễn Thế	Anh	29/12/2004	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001479	14/TC1/2023/143		
144	Hàng A	Cu	17/06/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001480	14/TC1/2023/144		
145	Vì Văn	Dư	04/01/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001481	14/TC1/2023/145		
146	Hồ A	Đua	29/01/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001482	14/TC1/2023/146		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
147	Hoàng Khánh	Duy	28/03/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001483	14/TC1/2023/ 147		
148	Lò Văn	Giang	08/02/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001484	14/TC1/2023/ 148		
149	Nguyễn Duy Hoàng	Hà	27/03/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001485	14/TC1/2023/ 149		
150	Nguyễn Tiến	Hòa	14/06/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001486	14/TC1/2023/ 150		
151	Lừ Văn	Hoài	11/08/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001487	14/TC1/2023/ 151		
152	Mùa A	Hòa	21/10/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001488	14/TC1/2023/ 152		
153	Cầm Phúc	Huỳnh	02/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001489	14/TC1/2023/ 153		
154	Hoàng Chí	Khanh	18/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001490	14/TC1/2023/ 154		
155	Bùi Văn	Lâm	20/05/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001491	14/TC1/2023/ 155		
156	Nguyễn Minh	Ngọc	03/11/2005	Sơn La	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001492	14/TC1/2023/ 156		
157	Vàng Gầu	Nú	23/07/2005	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001493	14/TC1/2023/ 157		
158	Vì Văn	Phong	21/04/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001494	14/TC1/2023/ 158		
159	Phạm Thị	Phượng	03/10/2005	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001495	14/TC1/2023/ 159		
160	Thào Vạng	Pó	21/10/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001496	14/TC1/2023/ 160		
161	Lò Minh	Quốc	07/03/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001497	14/TC1/2023/ 161		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
162	Vàng Thị	Sy	22/11/2005	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001498	14/TC1/2023/162		
163	Vũ Văn	Thắng	30/03/2005	Nam Định	Nam	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001499	14/TC1/2023/163		
164	Hoàng Văn	Thành	26/01/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001500	14/TC1/2023/164		
165	Bá Trung	Thảo	12/12/2004	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001501	14/TC1/2023/165		
166	Hàng A	Trờ	14/12/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001502	14/TC1/2023/166		
167	Vàng A	Trường	12/07/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001503	14/TC1/2023/167		
168	Hoàng Xuân	Tùng	21/10/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001504	14/TC1/2023/168		
169	Vì Thị	Tuyên	10/12/2005	Sơn La	Nữ	Khơ mú	Việt Nam	Tin học ứng dụng	2023	Khá	TC1.001505	14/TC1/2023/169		
170	Lò Văn	Châm	27/11/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Khá	TC1.001506	14/TC1/2023/170		
171	Vạ Pó	Chùa	09/11/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Khá	TC1.001507	14/TC1/2023/171		
172	Lò Văn	Đạt	31/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Trung bình	TC1.001508	14/TC1/2023/172		
173	Cà Văn	Duy	29/09/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Khá	TC1.001509	14/TC1/2023/173		
174	Tòng Văn	Đuy	10/10/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Trung bình	TC1.001510	14/TC1/2023/174		
175	Lù Văn	Hoan	26/12/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Trung bình	TC1.001511	14/TC1/2023/175		
176	Tòng Văn	Huy	07/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Khá	TC1.001512	14/TC1/2023/176		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
177	Ly Thị	Ia	19/03/2005	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Trung bình	TC1.001513	14/TC1/2023/177		
178	Lò Văn	Khải	12/03/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Khá	TC1.001514	14/TC1/2023/178		
179	Lò Văn	Lập	18/03/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Trung bình	TC1.001515	14/TC1/2023/179		
180	Giàng Công	Minh	23/11/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Khá	TC1.001516	14/TC1/2023/180		
181	Hà Văn	Nghiệp	01/05/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Khá	TC1.001517	14/TC1/2023/181		
182	Lò Văn	Nguyên	04/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Khá	TC1.001518	14/TC1/2023/182		
183	Lò Mạnh	Quân	04/04/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Trung bình	TC1.001519	14/TC1/2023/183		
184	Bạc Cẩm	Quỳnh	20/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Khá	TC1.001520	14/TC1/2023/184		
185	Và Thị	Tao	23/09/2005	Sơn La	Nữ	Mông	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Trung bình	TC1.001521	14/TC1/2023/185		
186	Đèo Văn	Thức	29/01/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Trung bình	TC1.001522	14/TC1/2023/186		
187	Tòng Văn	Thủy	22/03/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Khá	TC1.001523	14/TC1/2023/187		
188	Vì Anh	Tuấn	12/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng cây ăn quả	2023	Trung bình	TC1.001524	14/TC1/2023/188		
189	Cà Văn	An	10/10/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001525	14/TC1/2023/189		
190	Cà Tuấn	Anh	27/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001526	14/TC1/2023/190		
191	Cà Văn	Bằng	12/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001527	14/TC1/2023/191		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
192	Tòng Thị	Bình	24/10/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001528	14/TC1/2023/192		
193	Tòng Thành	Công	03/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001529	14/TC1/2023/193		
194	Lò Khánh	Đại	30/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001530	14/TC1/2023/194		
195	Tòng Khánh	Đạt	17/10/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001531	14/TC1/2023/195		
196	Cà Văn	Đức	04/04/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001532	14/TC1/2023/196		
197	Vì Văn	Duy	21/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Trung bình	TC1.001533	14/TC1/2023/197		
198	Giàng A	Ghia	31/08/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Trung bình	TC1.001534	14/TC1/2023/198		
199	Lò Văn	Hùng	25/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001535	14/TC1/2023/199		
200	Tòng Nam	Hùng	01/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001536	14/TC1/2023/200		
201	Hồ Công	Khương	25/08/2005	Sơn La	Nam	Kinh	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001537	14/TC1/2023/201		
202	Tòng Văn	Lập	10/12/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001538	14/TC1/2023/202		
203	Lò Nhật	Long	01/01/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001539	14/TC1/2023/203		
204	Tòng Vĩnh	Long	15/05/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001540	14/TC1/2023/204		
205	Lừ Văn	Mạnh	30/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001541	14/TC1/2023/205		
206	Lò Thị	Nga	16/02/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001542	14/TC1/2023/206		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
207	Lù Bảo	Ninh	05/04/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001543	14/TC1/2023/207		
208	Hàng A	Thái	13/03/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001544	14/TC1/2023/208		
209	Tòng Quốc	Thắng	13/11/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001545	14/TC1/2023/209		
210	Tòng Văn	Thắng	04/12/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001546	14/TC1/2023/210		
211	Điêu Thị	Thảo	09/03/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001547	14/TC1/2023/211		
212	Hà Thị	Thùy	13/05/2005	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001548	14/TC1/2023/212		
213	Hờ A	Tủa	04/04/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Trung bình	TC1.001549	14/TC1/2023/213		
214	Cà Văn	Tùng	21/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001550	14/TC1/2023/214		
215	Lèo Xuân	Tùng	06/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001551	14/TC1/2023/215		
216	Lò Văn	Xôm	01/10/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001552	14/TC1/2023/216		
217	Giàng A	Xu	15/05/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Trồng trọt	2023	Khá	TC1.001553	14/TC1/2023/217		
218	Cầm Hà	Cần	20/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Trung bình	TC1.001554	14/TC1/2023/218		
219	Hà Thành	Công	21/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001555	14/TC1/2023/219		
220	Đinh Mạnh	Cường	17/06/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001556	14/TC1/2023/220		
221	Lê Hoàng	Đạo	09/12/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001557	14/TC1/2023/221		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
222	Đinh Đức	Đạt	30/10/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001558	14/TC1/2023/222		
223	Hoàng Tiến	Đạt	26/06/2005	son La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001559	14/TC1/2023/223		
224	Lò Huỳnh	Đức	18/03/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001560	14/TC1/2023/224		
225	Lý Thị	Dung	30/06/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001561	14/TC1/2023/225		
226	Nguyễn Văn	Hùng	19/06/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001562	14/TC1/2023/226		
227	Lý Bảo	Khanh	17/10/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001563	14/TC1/2023/227		
228	Lò Văn	Khánh	19/12/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001564	14/TC1/2023/228		
229	Đinh Tuấn	Khởi	11/01/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001565	14/TC1/2023/229		
230	Đinh Thị Ngọc	Linh	10/02/2005	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001566	14/TC1/2023/230		
231	Hà Văn	Linh	09/12/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001567	14/TC1/2023/231		
232	Sa Thị	Linh	12/07/2005	Sơn La	Nữ	Mường	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001568	14/TC1/2023/232		
233	Phùng Đức	Lương	18/09/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Trung bình	TC1.001569	14/TC1/2023/233		
234	Đinh Văn	Mạnh	25/10/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001570	14/TC1/2023/234		
235	Hà Thị Trà	Mi	03/01/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001571	14/TC1/2023/235		
236	Vì Ngọc	Minh	11/11/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001572	14/TC1/2023/236		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
237	Triệu Đình	Nhất	01/04/2005	Sơn La	Nam	Dao	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001573	14/TC1/2023/237		
238	Lường Nam	Oanh	16/09/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001574	14/TC1/2023/238		
239	Hà Thị Thu	Phương	03/10/2004	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001575	14/TC1/2023/239		
240	Lường Văn	Quân	05/09/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001576	14/TC1/2023/240		
241	Hoàng Thị	Quỳnh	27/11/2005	Sơn La	Nữ	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001577	14/TC1/2023/241		
242	Đình Đức	Thành	14/09/2005	Sơn La	Nam	Mường	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001578	14/TC1/2023/242		
243	Hà Đình	Thi	14/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	2023	Khá	TC1.001579	14/TC1/2023/243		
244	Giàng A	Bình	20/10/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Trung bình	TC1.001580	14/TC1/2023/244		
245	Giàng A	Chaur	24/10/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Trung bình	TC1.001581	14/TC1/2023/245		
246	Và A	Chính	06/03/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Trung bình	TC1.001582	14/TC1/2023/246		
247	Vạ Sộng	Cu	30/07/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Trung bình	TC1.001583	14/TC1/2023/247		
248	Vàng Bả	Cu	23/10/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001584	14/TC1/2023/248		
249	Lường Văn	Đạt	14/07/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Trung bình	TC1.001585	14/TC1/2023/249		
250	Giàng A	Daur	10/09/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Trung bình	TC1.001586	14/TC1/2023/250		
251	Sùng A	Dơ	03/12/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001587	14/TC1/2023/251		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngành	Năm TN	Xếp loại TN (TD 4)	Số hiệu bằng TN	Số vào sổ gốc cấp bằng TN	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
252	Tòng Văn	Hoàng	14/08/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Trung bình	TC1.001588	14/TC1/2023/ 252		
253	Sộng A	Hự	16/07/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001589	14/TC1/2023/ 253		
254	Cầm Văn	Huỳnh	26/03/2003	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Trung bình	TC1.001590	14/TC1/2023/ 254		
255	Sồng A	Mạnh	10/12/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001591	14/TC1/2023/ 255		
256	Sồng Công	Mệnh	20/05/2004	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Trung bình	TC1.001592	14/TC1/2023/ 256		
257	Lò Văn	Ngoan	14/11/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001593	14/TC1/2023/ 257		
258	Vạ A	Pó	10/10/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001594	14/TC1/2023/ 258		
259	Hoàng Văn	Tiến	28/11/2004	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Trung bình	TC1.001595	14/TC1/2023/ 259		
260	Lường Văn	Tiến	05/04/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Trung bình	TC1.001596	14/TC1/2023/ 260		
261	Lường Văn	Triều	09/07/2005	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Khá	TC1.001597	14/TC1/2023/ 261		
262	Vàng Bá	Vương	15/01/2005	Sơn La	Nam	Mông	Việt Nam	Văn thư hành chính	2023	Trung bình	TC1.001598	14/TC1/2023/ 262		

Danh sách này có: 262 học sinh

Sơn La, ngày tháng năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long